

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/12/2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khánh H.

2. Ông Lê Văn N.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 104/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng Th, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp Bình An B, xã LBN, thành phố T, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Hồ Thanh P, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện M, tỉnh L.

Bà Th vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng Th: Bà Nguyễn Thị Mộng Th yêu cầu ly hôn với ông Hồ Thanh P; về con chung, một con chung tên là Hồ Hạo Nh, sinh ngày 03/02/2015, đang sống với bà Th, bà Th yêu cầu nuôi dưỡng con chung, bà Th không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung bà Th không yêu cầu giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của ông Hồ Thanh P: Ông P vắng mặt và không có ý kiến.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Nguyễn Thị Mộng Th cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà Th (photo); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh (bản sao), bản tự khai.

Chứng cứ do ông Hồ Thanh P cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Bà Th trình bày: Bà Th và ông P đến với nhau do quen biết, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M, tỉnh L. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được không lâu thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân 04 năm. Nay bà Th xác định không còn tình cảm với ông P nên xin ly hôn. Về con chung: Có một con chung tên là Hồ Hạo Nh, sinh ngày 03/02/2015. Bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, con chung hiện nay đang sống cùng bà Th, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Bà Th đề nghị không công bố bản án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Mộng Th và ông Hồ Thanh P có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M, tỉnh L và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Thị Mộng Th và ông Hồ Thanh P: Bà Nguyễn Thị Mộng Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông Hồ Thanh P vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà Th và ông P.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mộng Th đối với ông Hồ Thanh P: Bà Th trình bày về mâu thuẫn và tình trạng đã ly thân. Ông P vắng mặt không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà Th. Việc ông P vắng mặt thể hiện ông P không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào lời trình bày của bà Th thì hai bên không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và không

sống chung với nhau. Điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa bà Th và ông P không còn, việc chung sống giữa bà Th và ông P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông P.

[4]. Về yêu cầu nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Mộng Th đối với ông Hồ Thanh P: Một con chung tên là Hồ Hạo Nh, sinh ngày 03/02/2015, con chung hiện đang sống cùng bà Th, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông P không có ý kiến. Căn cứ Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì điều kiện hiện tại của bà Th là tốt hơn, giúp cho con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội nên yêu cầu của bà Th có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung; ông P vắng mặt không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mộng Th phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mộng Th đối với ông Hồ Thanh P, cho bà Th được ly hôn ông P.

Căn cứ vào Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: Chấp nhận yêu cầu về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị Mộng Th, bà Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Hồ Hạo Nh, sinh ngày 03/02/2015, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng

nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bà Nguyễn Thị Mộng Th phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân- gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo biên lai số 0002991 ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, bà Th đã nộp đủ án phí.

Căn cứ vào các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Bà Nguyễn Thị Mộng Th và ông Hồ Thanh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã B, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Khánh Hội Lê Văn Nhữn

Nguyễn Thanh Liêm